

Đề cương môn: Nghiệp vụ ngân hàng

Mục Lục

Câu 1: Phân biệt nghiệp vụ của ngân hàng trung ương và nghiệp vụ của ngân hàng thương mại về vai trò, nhiệm vụ?	2
Câu 2: Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa ngân hàng và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng?	2
Câu 3: Trình bày một số các nghiệp vụ hiện đại của NHTM?	3
Câu 4: Phân loại các ngân hàng thương mại theo chiến lược kinh doanh và theo hình thức sở hữu?	5
Câu 5: Trình bày các hình thức huy động vốn của NHTM?	6
Câu 6: Phân biệt tiền gửi thanh toán, tiết kiệm không kỳ hạn và tiết kiệm định kỳ?	6
Câu 7: Trình bày các bước của một qui trình tín dụng căn bản?	8
Câu 8: Trình bày các cách xác định hạn mức tín dụng trong nghiệp vụ cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp?	10
Câu 9: Một khách hàng đến vay Ngân hàng thường được yêu cầu có những nguồn trả nợ nào? Nêu ý nghĩa của các nguồn trả nợ đó?	12
Câu 10: Trình bày các phương thức cho vay ngắn hạn với doanh nghiệp:	13
Câu 11: Thuê tài sản nói chung mang lại những lợi ích gì đối với người đi thuê? Ngoài những lợi ích chung vừa kể, thuê tài chính có lợi ích riêng nào khác mà các loại thuê khác không có.15	
Câu 12: Cho thuê tài sản có phải là một hình thức cấp tín dụng hay không? Giải thích tại sao?	16
Câu 13: Phân biệt thuê vận hành (thuê hoạt động) và thuê tài chính?	16
Câu 14: Theo quan niệm ở Việt Nam, bao thanh toán là gì? Nhìn chung tham gia hay liên quan trong dịch vụ bao thanh toán gồm những bên nào? Vai trò của các bên này ra sao?	17
Câu 15: Trình bày các bước tiến hành trong quy trình thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán xuất-nhập khẩu. Cách tính toán xác định chi phí và số tiền ứng trước cho khách hàng trong nghiệp vụ bao thanh toán xuất- nhập khẩu được thực hiện như thế nào.	17
Câu 16: Bảo lãnh ngân hàng là gì? Tham gia hợp đồng bảo lãnh gồm những bên nào?	19

Câu 1: Phân biệt nghiệp vụ của ngân hàng trung ương và nghiệp vụ của ngân hàng thương mại về vai trò, nhiệm vụ?

Ngân hàng trung ương	Ngân hàng thương mại
<ul style="list-style-type: none"> - Không làm chức năng kinh doanh - NHTU giữ vai trò quản lý, điều tiết lưu thông tiền tệ, giữ vai trò ổn định thị trường tiền tệ, giá trị đồng tiền; góp phần quản lý vĩ mô nền kinh tế - 3 công cụ chính của NHTU để điều tiết thị trường tiền tệ: lãi suất chiết khấu, tái cấp vốn; tỷ lệ dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở - Mỗi quốc gia chỉ có 1 NHTW, mở chi nhánh ở các tỉnh, địa phương 	<ul style="list-style-type: none"> - Làm chức năng kinh doanh quyền sử dụng tiền - NHTM giữ vai trò chính là trung gian tài chính, chuyên kinh doanh tiền tệ và qua đó thực hiện vai trò trung gian thực thi chính sách tiền tệ - 3 nghiệp vụ cơ bản của NHTM: huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán - Có nhiều ngân hàng thương mại

Câu 2: Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa ngân hàng và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng?

Ngân hàng là một loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện toàn bộ hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan như: nhận tiền gửi; cấp tín dụng và cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản

- **Tổ chức tín dụng phi ngân hàng** là loại hình tổ chức tín dụng được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng như là nội dung kinh doanh thường xuyên trừ các hoạt động nhận tiền gửi cá nhân và cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài

khoản của khách hàng. Tổ chức tín dụng phi ngân hàng gồm công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác.

* **Giống nhau:** đều là tổ chức tín dụng được thành lập theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam và các quy định khác của pháp luật để hoạt động kinh doanh tiền tệ, làm dịch vụ ngân hàng với nội dung thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động của ngân hàng.

* **Khác nhau:** điểm khác nhau rõ ràng nhất là Ngân hàng thì được nhận tiền gửi không kỳ hạn (hay gọi là tiền gửi thanh toán), được làm dịch vụ thanh toán còn tổ chức tín dụng phi ngân hàng thì không.

<i>Ngân hàng thương mại</i>	<i>Tổ chức tín dụng phi ngân hàng</i>
<i>-Là tổ chức nhận tiền gửi</i>	<i>-Là tổ chức ko nhận tiền gửi</i>
<i>-Là tạo lập dự trữ bắt buộc</i>	<i>-Không phải tạo lập dự trữ bắt buộc</i>
<i>-Có chức năng trung gian thanh toán</i>	<i>-Không có chức năng trung gian thanh toán</i>
<i>-Được thực hiện toàn bộ hoạt động NH</i>	<i>-Được thực hiện một số hoạt động NH</i>

Câu 3: Trình bày một số các nghiệp vụ hiện đại của NHTM?

1) Hoạt động huy động vốn:

Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác

Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của các tổ chức tín dụng nước ngoài

Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước

Các hình thức huy động vốn khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước

2) Hoạt động cấp tín dụng:

- **Cho vay:** có 2 hình thức cho vay của NHTM đối với các tổ chức, cá nhân:
 - Cho vay ngắn hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho sản xuất, kinh doanh dịch vụ và đời sống

- Cho vay trung, dài hạn để thực hiện các dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống
- **Bảo lãnh:** NHTM được bảo lãnh vay, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh đấu thầu và các hình thức bảo lãnh ngân hàng khác bằng uy tín và khả năng tài chính của mình đối với người nhận bảo lãnh
- **Chiết khấu:** NHTM được chiết khấu thương phiếu và các giấy btowf có giá ngắn hạn khác đối với tổ chức, cá nhân và ó thể tái chiết khấu các thương phiếu và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đối với các tổ chức tín dụng khác
- **Cho thuê tài chính**
- **Bao thanh toán:** Các NHTM triển khai thực hiện bao thanh toán như là một hình thức cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp.
- **Tài trợ nhập khẩu**
- **Tài trợ xuất khẩu**
- **Cho vay thấu chi**
- **Cho vay theo hạn mức tín dụng và hạn mức tín dụng dự phòng**

3) Hoạt động dịch vụ thnah toán và ngân quỹ

- Cung cấp phương tiện thanh toán
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán trong nước cho khách hàng
- Thực hiện dịch vụ thu hộ và chi hộ
- Thực hiện các dịch vụ thanh toán khác theo qui định của Ngân hàng Nhà nước
- Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép
- Thực hiện dịch vụ thu và phát tiền mặt cho khách hàng
- Tổ chức hệ thống thanh toán nội bộ và tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng trong nước

Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép

4) Các hoạt động khác

- Góp vốn và mua cổ phần
- Tham gia thị trường tiền tệ
- Kinh doanh ngoại hối
- Ủy thác và nhận ủy thác
- Cung ứng dịch vụ bảo hiểm

- Tư vấn tài chính

Bảo quản vật quý giá

Câu 4: Phân loại các ngân hàng thương mại theo chiến lược kinh doanh và theo hình thức sở hữu?

A. Dựa vào hình thức sở hữu:

Có thể phân chia ngân hàng thương mại thành ngân hàng thương mại quốc doanh, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng thương mại liên doanh, chi nhánh ngân hàng thương mại nước ngoài, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài

- **Ngân hàng thương mại Nhà nước:** Là ngân hàng thương mại do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức hoạt động kinh doanh, góp phần thực hiện mục tiêu kinh tế của nhà nước. Điều hành hoạt động của ngân hàng thương mại là Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc là Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ

VD: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank), Ngân hàng Đầu tư và Xây Dựng Việt Nam (BIDV), ...

- **Ngân hàng thương mại cổ phần:** Là ngân hàng thương mại được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần, trong đó các doanh nghiệp Nhà nước, tổ chức tín dụng, tổ chức khác, và cá nhân cùng góp vốn theo qui định của NHNN

VD: Ngân hàng Á Châu (ACB), Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng An Bình (ABBANK), Ngân hàng Hàng Hải (Maritime Bank) , ...

- **Ngân hàng liên doanh:** Là ngân hàng được thành lập bằng vốn góp của bên Việt nam và bên nước ngoài trên cơ sở hợp đồng liên doanh

VD: INDOVINA BANK, SHIHANVINA BANK, VID PUBLIC BANK (VIP), ...

- **Chi nhánh ngân hàng nước ngoài:** Là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm đối với mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh tại Việt Nam.

VD: Cathay United Bank, HSBC, City Bank, Shinhan Bank, Standard Chartered Bank, ...

B. Dựa vào chiến lược kinh doanh

- **Ngân hàng bán buôn:** ngân hàng chỉ giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng công ty chứ không giao dịch với khách hàng cá nhân
- **Ngân hàng bán lẻ:** là ngân hàng giao dịch và cung ứng dịch vụ cho đối tượng khách hàng cá nhân
- **Ngân hàng vừa bán buôn vừa bán lẻ:** là loại ngân hàng giao dịch và cung ứng dịch vụ cho khách hàng công ty lẫn khách hàng cá nhân

Câu 5: Trình bày các hình thức huy động vốn của NHTM?

Nhận tiền gửi của các tổ chức, cá nhân và các tổ chức tín dụng khác dưới các hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn và các loại tiền gửi khác.

Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác để huy động vốn của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước khi được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận

Vay vốn của các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại Việt Nam và của các tổ chức tín dụng nước ngoài

Vay vốn ngắn hạn của Ngân hàng Nhà nước theo qui định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Câu 6: Phân biệt tiền gửi thanh toán, tiết kiệm không kỳ hạn và tiết kiệm định kỳ?

	Tiền gửi thanh toán	Tiền gửi không kỳ hạn	Tiền gửi kỳ hạn
Đối tượng khách hàng	Cá nhân hoặc tổ chức	Khách hàng cá nhân hoặc tổ chức	Khách hàng cá nhân và tổ chức
Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none"> • Tài khoản tiền gửi thanh toán là loại tiền gửi không kỳ 	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với khách hàng: tiền gửi vì mục an 	<ul style="list-style-type: none"> • Đối tượng chủ yếu là công nhân, viên chức, hưu trí

	<p>hạn</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khách hàng có thể rút tiền bất cứ lúc nào mà không cần báo trước với NH • Ngân hàng rất khó kế hoạch hóa việc sử dụng loại tiền này • Ngân hàng trả lãi suất thấp thậm chí không trả lãi 	<p>toàn và tiện lợi quan trọng hơn mục tiêu sinh lời</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khách hàng muốn rút bất cứ lúc nào cũng được • Đối với ngân hàng: Ngân hàng đảm bảo tồn quỹ để chi trả và khó lên kế hoạch sử dụng tiền gửi để cấp tín dụng • Ngân hàng trả lãi suất rất thấp (0.25%/tháng) 	<ul style="list-style-type: none"> • Lợi tức có được theo định kỳ • Lãi suất trả cho tiền gửi tiết kiệm định kỳ cao hơn so với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn • Mức lãi suất phụ thuộc kỳ hạn gửi loại đồng tiền gửi tiết kiệm
Thủ tục mở tài khoản	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với khách hàng cá nhân: điền vào mẫu giấy đề nghị mở tài khoản TGCN, chữ ký mẫu, xuất trình và nộp bản sao CMTND • Đối với khách hàng là tổ chức: điền vào mẫu giấy đề nghị mở tài khoản TGTT, đăng ký mẫu chữ ký và mẫu con dấu của người đại diện, xuất trình và nộp bản sao các 	<ul style="list-style-type: none"> • Điền vào mẫu giấy đề nghị gửi tiền tiết kiệm không kỳ hạn • CMTND • Chữ ký mẫu 	<ul style="list-style-type: none"> • Điền vào mẫu giấy đề nghị gửi tiền tiết kiệm định kỳ • CMTND • Chữ ký mẫu

	<p>giấy tờ chứng minh cách pháp nhân của tổ chức, và các giấy tờ chứng minh tư cách hợp pháp của chủ tài khoản</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đối với khách hàng đồng chủ tài khoản cần điền và nộp giấy đề nghị mở tài khoản đồng sở hữu, các giấy tờ chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của người đại diện cho tổ chức tham gia tài khoản đồng sở hữu, văn bản quản lý và sử dụng tài khoản chung của đồng chủ tài khoản 		
--	---	--	--

Câu 7: Trình bày các bước của một qui trình tín dụng căn bản?

Bước 1: Lập hồ sơ đề nghị cấp tín dụng

Là khâu quan trọng vì nó là khâu thu thập thông tin làm cơ sở để thực hiện các khâu sau, đặc biệt là khâu phân tích và ra quyết định cho vay

Một bộ hồ sơ đề nghị cấp tín dụng cần thu thập từ khách hàng những thông tin sau

- Thông tin về năng lực pháp lý và năng lực hành vi của khách hàng
- Thông tin về khả năng sử dụng và hoàn trả vốn của khách hàng
- Thông tin về bảo đảm tín dụng

Khách hàng phải nộp cho NH các giấy tờ sau:

- Giấy đề nghị vay vốn
- Giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân của khách hàng: giấy phép thành lập, quyết định bổ nhiệm giám đốc, điều lệ hoạt động
- Phương án sản xuất kinh doanh và kế hoạch trả nợ, hoặc dự án đầu tư
- Báo cáo tài chính của thời kỳ gần nhất
- Các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp, cầm cố hoặc bảo lãnh nợ vay
- Các giấy tờ liên quan khác nếu cần thiết

Bước 2: Phân tích tín dụng

Phân tích tín dụng là phân tích khả năng hiện tại và tiềm tàng của khách hàng về sử dụng vốn tín dụng, khả năng hoàn trả, khả năng thu hồi vốn vay cả gốc và lãi.

Mục tiêu của phân tích tín dụng là tìm kiếm những tình huống có thể dẫn tới rủi ro cho ngân hàng, tiên lượng khả năng kiểm soát những loại rủi ro đó và dự kiến các biện pháp phòng ngừa và hạn chế thiệt hại có thể xảy ra

Bước 3: Quyết định và ký hợp đồng tín dụng

Quyết định tín dụng là quyết định cho vay hoặc từ chối đối với một hồ sơ vay vốn của khách hàng

Có hai sai lầm cơ bản thường xảy ra trong khâu này

- Quyết định chấp thuận cho vay đối với một khách hàng không tốt
- Từ chối cho vay đối với một khách hàng tốt

Loại sai lầm thứ nhất dễ dẫn đến thiệt hại do nợ quá hạn hoặc nợ không thể thu hồi tức là thiệt hại về tài chính. Loại sai lầm thứ hai dễ dẫn đến thiệt hại về uy tín và mất cơ hội cho vay

- **Cơ sở để ra quyết định tín dụng:** dựa vào thông tin thu thập và xử lý từ hồ sơ tín dụng. Kế đến dựa vào các thông tin khác hoặc thông tin cập nhật có liên quan, thông tin đa dạng từ nhiều nguồn khác nhau đã được cập nhật hóa

- **Quyền phán quyết tín dụng:** tùy theo qui mô vốn vay lớn hay nhỏ quyền phán quyết thường được trao cho hội đồng tín dụng hay một cá nhân phụ trách.

Bước 4: Giải ngân

- Giải ngân là khâu tiếp theo sau khi hợp đồng tín dụng đã được ký kết. Giải ngân là phát tiền vay cho khách hàng trên cơ sở mức tín dụng đã cam kết trong hợp đồng
- Giải ngân cũng là khâu quan trọng vì nó có thể phát hiện và chấn chỉnh kịp thời nếu có sai sót ở các khâu trước
- Giải ngân cũng phải tuân thủ theo nguyên tắc đảm bảo thuận lợi tránh gây khó khăn và phiền hà cho khách hàng.

Bước 5: Giám sát tín dụng

Giám sát tín dụng nhằm mục tiêu bảo đảm cho tiền vay được sử dụng đúng mục đích đã cam kết, kiểm soát rủi ro tín dụng, phát hiện và chấn chỉnh kịp thời những sai phạm có thể ảnh hưởng đến khả năng thu hồi nợ sau này

Bước 6: Thanh lý hợp đồng tín dụng:

Xảy ra do khách hàng vi phạm hợp đồng hoặc do khoản vay đã hết hạn. Đây là khâu kết thúc của qui trình tín dụng.

Khâu này gồm có các việc quan trọng cần xử lý

- Thu nợ cả gốc và lãi
- Tái xét hợp đồng tín dụng
- Thanh lý hợp đồng tín dụng

Câu 8: Trình bày các cách xác định hạn mức tín dụng trong nghiệp vụ cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp?

Có 3 cách xác định hạn mức tín dụng trong nghiệp vụ cho vay ngắn hạn đối với khách hàng doanh nghiệp

Tùy theo cách thức tham gia vốn chủ sở hữu vào tài sản lưu động

- Vốn chủ sở hữu tham gia theo tỷ lệ phần trăm tối thiểu tính trên chênh lệch giữa tài sản lưu động và nợ ngắn hạn phi ngân hàng.
- Vốn chủ sở hữu tham gia theo tỷ lệ phần trăm tối thiểu tính trên tổng Tài sản lưu động
- Ngân hàng có cho vay dài hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động thường xuyên và vốn chủ sở hữu tham gia theo tỷ lệ % tối thiểu tính trên tổng tài sản lưu động

Ví dụ: Nhân viên tín dụng An của ngân hàng Á Châu ACB. Vào đầu quý, kế hoạch nhân viên này nhận được bản tóm tắt Kế hoạch tài chính của công ty X như sau

Tài sản	Số tiền	Nợ và vốn CSH	Số tiền
Tài sản lưu động	4150	Nợ phải trả	5450
Tiền mặt và TGNH	500	Nợ ngắn hạn	4250
Chứng khoán NH	750	Phải trả người bán	910
Khoản phải thu	2500	Phải trả công nhân viên	750
Hàng tồn kho	400	Phải trả khác	150
Tài sản lưu động khác	3000	Vay NHTM	2440
Tài sản cố định	500	Nợ dài hạn	1200
Đầu tư tài chính dài hạn		Vốn CSH	2200
Tổng cộng Tài sản	7650	Tổng cộng Nợ và Vốn CSH	7650

Cách 1: Vốn CSH tham gia theo tỷ lệ phần trăm tối thiểu (30%) tính trên chênh lệch giữa Tài sản lưu động và nợ ngắn hạn phi Ngân hàng

- Giá trị tài sản lưu động = Tiền mặt và TGNH + Chứng khoán NH + Khoản phải thu + Hàng tồn kho + Tài sản lưu động khác = 500 + 750 + 2500 + 400 = 4150 (trđ)
- Nợ ngắn hạn phi ngân hàng = Phải trả người bán + Phải trả CNV + Phải trả khác = 910 + 750 + 150 = 1810 (trđ)

- Mức chênh lệch = Nhu cầu vốn lưu động = Giá trị tài sản lưu động + Nợ ngắn hạn phi ngân hàng = $4150 - 1810 = 2340$ (trđ)
- Vốn CSH tham gia = $30\% * \text{Mức chênh lệch} = 702$ (trđ)
- Hạn mức tín dụng = Nhu cầu vốn lưu động – Vốn CSH tham gia = $2340 - 702 = 1638$

Cách 2: Vốn CSH tham gia theo tỷ lệ phần trăm tối thiểu (Ví dụ 30%) tính trên tổng tài sản lưu động

- Giá trị tài sản lưu động: 4150 (trđ)
- Vốn chủ sở hữu tham gia tỷ lệ 30% = $4150 * 30\% = 1245$ (Trđ)
- Nợ ngắn hạn phi ngân hàng: 1810 (Trđ)
- Mức chênh lệch = Nhu cầu vốn lưu động = Giá trị tài sản lưu động – Nợ ngắn hạn phi ngân hàng = $4150 - 1810 = 2340$ (Trđ)
- Hạn mức tín dụng = Nhu cầu vốn lưu động – Vốn chủ sở hữu tham gia = $2340 - 1245 = 1095$

Cách 3: Ngân hàng có cho vay dài hạn để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động thường xuyên (giả sử trong ví dụ là 300) và vốn CSH tham gia theo tỷ lệ % tối thiểu (giả sử trong ví dụ là 30%) tính trên tổng tài sản lưu động

- Giá trị tài sản lưu động: 4150 (Trđ)
- Giá trị tài sản lưu động do nguồn dài hạn tài trợ: 300 (Trđ)
- Giá trị tài sản lưu động chưa có nguồn tài trợ: $4150 - 300 = 3850$
- Vốn chủ sở hữu tham gia theo tỷ lệ 30%: $0.3 * 3850 = 1155$
- Nợ ngắn hạn phi Ngân hàng: 1810
- Hạn mức tín dụng = (Giá trị TS lưu động – Nợ ngắn hạn phi ngân hàng) – Vốn chủ sở hữu tham gia = 885

Câu 9: Một khách hàng đến vay Ngân hàng thường được yêu cầu có những nguồn trả nợ nào? Nêu ý nghĩa của các nguồn trả nợ đó?

Nguồn trả nợ của khách hàng: Phương án kinh doanh, năng lực tài chính, tài sản đảm bảo, khả năng phát hành trái phiếu

1. Đánh giá hiệu quả của phương án kinh doanh
 - **Tính cần thiết:** phù hợp với đường lối vĩ mô

- **Tính khả thi:** chứng minh tính khả thi của các yếu tố: nguồn lao động, nguyên liệu ra sao, thiết bị, quản lý, thị trường, môi trường như thế nào...
 - **Tính hiệu quả:** chứng minh bằng lãi và tỷ suất lãi
 - **Dự án kỹ thuật hợp lý:** đối với các dự án kỹ thuật ngân hàng có riêng bộ phận thẩm định bản vẽ, tiến độ thi công,...
2. Năng lực tài chính phương án: được thể hiện trên bảng cân đối.
- Quy mô tài sản: tổng tài sản trên bảng cân đối. Nguyên tắc là tổng tài sản người vay \geq tài sản trung bình của ngành (có số liệu thống kê).
 - Thành phần tài sản phải tốt về vốn chủ sở hữu, tồn kho, phải thu
 - Tỷ lệ giữa các phần tài sản (hệ số tài chính): Hệ số đòn cân, hệ số thanh khoản, hệ số hoạt động, tỷ suất lợi nhuận.
 - Kết quả phân phối: Chỉ tiêu thu nhập trên một cổ phiếu (EPS) và Chỉ tiêu thị giá thu nhập trên một cổ phiếu (P/E)
3. Tài sản đảm bảo

Người làm thẩm định đảm bảo phải xác định được rõ ràng tài sản doanh nghiệp có thể cầm cố, thế chấp tại ngân hàng sau đây:

- Bất động sản: đất và các tài sản gắn với đất
 - Động sản: Hàng hóa thông thường: sắt, thép,...; Hàng hóa đặc biệt: vàng, bạc, đá quý,...; Các chứng từ có giá: cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu; Các khoản phải thu mang đến ngân hàng cầm cố; Tiền: sổ tiết kiệm
 - Chuyển động sản: Các phương tiện giao thông ; Đối ngân (người thứ 3 đứng ra bảo lãnh)
4. Phát hành trái phiếu để huy động vốn

Câu 10: Trình bày các phương thức cho vay ngắn hạn với doanh nghiệp:

Trong cho vay ngắn hạn đối với doanh nghiệp, các NH thương mại thường thỏa thuận với khách hàng áp dụng một trong hai phương thức cho vay phổ biến hiện nay là

- **Cho vay từng lần:** Mỗi lần vay vốn khách hàng và ngân hàng thương mại thực hiện thủ tục vay vốn cần thiết và ký kết hợp đồng tín dụng

- **Cho vay theo hạn mức tín dụng:** Ngân hàng thương mại và khách hàng xác định và thỏa thuận một hạn mức tín dụng duy trì trong một khoảng thời gian nhất định

Hạn mức tín dụng là mức dư nợ vay tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà ngân hàng và khách hàng đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng

	Cho vay từng lần	Cho vay theo hạn mức tín dụng
Đặc điểm	Mỗi lần khách hàng vay món nào thì phải làm hồ sơ vay món đó	Khách hàng chỉ cần lập một bộ hồ sơ vay vào đầu kỳ kế hoạch có thể sử dụng cho nhiều món vay
Phát tiền vay (Giải ngân)	Khoản tiền vay được chuyển thẳng cho nhà cung cấp hoặc ghi Có vào tài khoản tiền gửi của khách hàng và ghi Nợ số tiền vay vào tài khoản cho vay của NH	Ghi Nợ vào tài khoản cho vay luân chuyển và chuyển trả thẳng cho nhà cung cấp hoặc ghi Có vào tài khoản tiền gửi
Thu nợ và lãi	Nợ gốc và lãi thu cùng một thời điểm Ngân hàng thu nợ bằng cách ghi Nợ vào tài khoản tiền gửi của khách hàng và ghi Có vào tài khoản cho vay của NH Ngân hàng thu lãi vay bằng cách ghi Nợ vào tài khoản tiền gửi của khách hàng và ghi Có vào tài khoản thu nhập của NH	Toàn bộ tiền thu bán hàng, tiền thu dịch vụ của khách hàng được dùng ưu tiên trả nợ vay Ngân hàng thu nợ bằng cách ghi Có vào tài khoản cho vay luân chuyển như vậy dư Nợ của khách sẽ giảm Thu lãi theo phương pháp tích số: Nếu hạn mức tín dụng vẫn còn, ngân hàng sẽ thu lãi bằng cách ghi Nợ vào tài khoản cho vay luân chuyển Nếu hạn mức tín dụng đã hết thì ngân hàng sẽ trích tiền từ tài khoản tiền gửi của khách hàng để thu lãi
Phạm vi áp dụng	<ul style="list-style-type: none"> • Khách hàng vay không thường xuyên • Khách hàng vay thường xuyên nhưng chưa được 	<ul style="list-style-type: none"> • Khách hàng có nhu cầu vay vốn thường xuyên • Khách hàng được ngân hàng tín nhiệm

	<p>ngân hàng tín nhiệm áp dụng hạn mức tín dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thường áp dụng các khoản vay dài hạn hoặc cho vay các dự án • Thường yêu cầu khách hàng phải có đảm bảo 	<ul style="list-style-type: none"> • Thường không yêu cầu bảo đảm tín dụng
--	--	---

Câu 11: Thuê tài sản nói chung mang lại những lợi ích gì đối với người đi thuê? Ngoài những lợi ích chung vừa kể, thuê tài chính có lợi ích riêng nào khác mà các loại thuê khác không có.

Thuê tài sản mang lại một số lợi ích đối với người đi thuê:

- Người đi thuê không phải mua sắm tài sản nhưng vẫn có quyền sử dụng tài sản trong một khoảng thời gian nhất định
- Với quyết định thuê tài sản công ty cùng một lúc đưa ra 2 quyết định vừa quyết định đầu tư vừa quyết định nguồn vốn
- Việc cho thuê tài sản giúp công ty vừa có tài sản để sử dụng trong điều kiện nguồn vốn hạn chế

Ngoài những lợi ích vừa kể trên, thuê tài chính có lợi ích riêng mà các loại thuê khác không có đó là

- Đối với các khoản vốn vay trung và dài hạn ngân hàng thường yêu cầu tài sản đảm bảo (thế chấp và cầm cố) và chỉ cho vay tối đa là 80% tổng chi phí thực hiện dự án nhưng đối với thuê tài chính doanh nghiệp không cần phải ký quỹ đảm bảo hoặc tài sản thế chấp mà còn được tài trợ 100% vốn đầu tư. Lãi suất hoàn toàn dựa trên sự thỏa thuận của hai bên
- Kênh tín dụng này cũng cho phép doanh nghiệp chủ động trong việc lựa chọn máy móc, thiết bị, nhà cung cấp cũng như mẫu mã chủng loại phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp mình.
- Ngoài ra nếu doanh nghiệp đã đầu tư mua tài sản mà thiếu vốn lưu động vẫn có thể bán lại cho công ty cho thuê tài chính và sau đó công ty sẽ cho doanh nghiệp thuê lại. Như vậy doanh nghiệp vừa có vốn lưu động để sản xuất kinh doanh vừa sử dụng tài sản

- Kết thúc thời hạn thuê, doanh nghiệp được quyền ưu tiên mua lại tài sản với giá trị danh nghĩa thấp hơn giá trị thực tế của tài sản thời điểm mua lại.
- Một ưu điểm vô cùng quan trọng mà hình thức cho thuê tài chính này đem lại đó là thuế. Tài sản cho thuê tài chính vẫn thuộc quyền sở hữu của bên cho thuê nên bên cho thuê có quyền được khấu hao tài sản đó, làm giảm thuế thu nhập phải nộp. Mặt khác bên đi thuê phải nộp chi phí thuê, chi phí đó được khấu trừ trước thuế nên cũng giảm thuế thu nhập mà doanh nghiệp phải nộp. Như vậy cả hai bên cả bên cho thuê và bên thuê đều được hưởng lợi ích từ thuế

Câu 12: Cho thuê tài sản có phải là một hình thức cấp tín dụng hay không?

Giải thích tại sao?

Cho thuê tài sản cũng được coi là hình thức cấp tín dụng của NHTM. Bởi vì cho thuê tài sản là hoạt động tín dụng trung và dài hạn thông qua việc cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển và các động sản khác trên cơ sở hợp đồng cho thuê giữa bên cho thuê và bên thuê. Bên cho thuê cam kết mua máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển theo yêu cầu của bên thuê và nắm giữ quyền sở hữu với tài sản cho thuê. Bên thuê sử dụng tài sản thuê và thanh toán tiền thuê trong suốt thời gian thuê đã được hai bên thỏa thuận. Kết thúc thời hạn bên thuê được quyền lựa chọn mua lại tài sản hoặc tiếp tục thuê theo các điều kiện đã được thỏa thuận trong hợp đồng.

Câu 13: Phân biệt thuê vận hành (thuê hoạt động) và thuê tài chính?

	Thuê vận hành (thuê hoạt động)	Thuê tài chính (thuê vốn)
Điều kiện kết thúc hợp đồng	Người cho thuê được quyền kết thúc hợp đồng trước thời hạn	Người cho thuê không được kết thúc hợp đồng trước thời hạn
Thời gian thuê	Thường rất ngắn so với toàn bộ thời gian tồn tại hữu ích của tài sản	Thường chiếm phần thời gian tồn tại hữu ích của tài sản
Chi phí thuê	<ul style="list-style-type: none"> • Chi phí thuê thường bao hàm cả hao mòn tài sản, chi phí bảo dưỡng, bảo hiểm và mức lợi nhuận của bên cho thuê 	<ul style="list-style-type: none"> • Đối với thuê trọn gói: chủ cho thuê sẽ chịu trách nhiệm bảo trì và bảo hiểm trang thiết bị, thuế tài sản phát sinh

	<ul style="list-style-type: none"> Chi phí thường cao vì bên cho thuê chịu nhiều rủi ro đối với sự lạc hậu và giảm giá thị trường của tài sản 	<ul style="list-style-type: none"> Đối với thuê trần : người thuê đồng ý thực hiện việc bảo trì, bảo hiểm, và các khoản thuế đánh trên tài sản thuê
--	--	---

Câu 14: Theo quan niệm ở Việt Nam, bao thanh toán là gì? Nhìn chung tham gia hay liên quan trong dịch vụ bao thanh toán gồm những bên nào? Vai trò của các bên này ra sao?

Trong qui chế hoạt động bao thanh toán của các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã đưa ra định nghĩa về bao thanh toán như sau:

“Bao thanh toán là hình thức cấp tín dụng của tổ chức tín dụng cho bên bán hàng thông qua việc mua lại các khoản phải thu phát sinh từ việc mua bán hàng hóa đã được bên bán hàng và bên mua hàng thỏa thuận trong hợp đồng mua, bán hàng hóa” (Quyết định số 1096/QĐ-NHNN).

Bao thanh toán liên quan đến hai bên : Tổ chức tín dụng thực hiện bao thanh toán (factor) và khách hàng được tổ chức tín dụng bao thanh toán.

- Tổ chức tín dụng thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán:** là các tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động theo Luật Các Tổ chức tín dụng bao gồm Ngân hàng thương mại Nhà nước, Ngân hàng thương mại cổ phần, Ngân hàng liên doanh, Ngân hàng 100% vốn nước ngoài, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài, và Công ty tài chính.
- Khách hàng được tổ chức tín dụng bao thanh toán:** là các tổ chức kinh tế Việt Nam và nước ngoài cung ứng hàng hóa và được thụ hưởng từ các khoản phải thu phát sinh từ việc mua bán hàng hóa theo thỏa thuận giữa bên bán hàng và bên mua hàng tại hợp đồng mua, bán hàng.

Câu 15: Trình bày các bước tiến hành trong quy trình thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán xuất- nhập khẩu. Cách tính toán xác định chi phí và số tiền ứng trước cho khách hàng trong nghiệp vụ bao thanh toán xuất- nhập khẩu được thực hiện như thế nào.

A. Các bước tiến hành trong qui trình thực hiện nghiệp vụ bao thanh toán xuất – nhập khẩu:

- 1) Đơn vị xuất khẩu và nhập khẩu ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa.
- 2) Đơn vị xuất khẩu yêu cầu tín dụng đối với đơn vị bao thanh toán
- 3) Đơn vị bao thanh toán tại nước xuất khẩu yêu cầu tín dụng từ đơn vị bao thanh toán tại nước nhập khẩu
- 4) Đơn vị bao thanh toán nhập khẩu kiểm tra uy tín về mặt tín dụng của nhà nhập khẩu
- 5) Đơn vị bao thanh toán nhập khẩu trả lời tín dụng cho đơn vị bao thanh toán xuất khẩu
- 6) Đơn vị bao thanh toán ký hợp đồng bao thanh toán với đơn vị xuất khẩu
- 7) Đơn vị xuất khẩu giao hàng
- 8) Đơn vị xuất khẩu chuyển nhượng hóa đơn cho đơn vị bao thanh toán xuất khẩu và đơn vị bao thanh toán xuất khẩu chuyển nhượng hóa đơn cho đơn vị bao thanh toán nhập khẩu
- 9) Đơn vị bao thanh toán ứng trước tiền cho đơn vị xuất khẩu
- 10) Vào ngày đáo hạn hoặc sau ngày đáo hạn một thời gian, đơn vị bao thanh toán đòi nợ đơn vị nhập khẩu
- 11) Đơn vị nhập khẩu thanh toán tiền cho đơn vị bao thanh toán
- 12) Đơn vị bao thanh toán nhập khẩu thanh toán tiền cho đơn vị bao thanh toán xuất khẩu
- 13) Đơn vị bao thanh toán xuất khẩu thanh toán phần còn lại cho đơn vị xuất khẩu.

B. Xác định chi phí và số tiền ứng trước

1)

Xác định chi**phí**

BTT xuất nhập khẩu:

Phí BTT XNK = (tỷ lệ phí của EF + tỷ lệ phí của IF) * giá trị các khoản phải thu được BTT

Phí BTT quốc tế trong hệ thống hai đại lí thường do người xuất khẩu thanh toán cho đại lí BTT xuất khẩu và được phân chia giữa đại lí BTT xuất khẩu và đại lí BTT nhập khẩu.

Trên cơ sở những loại phí trên, đơn vị BTT xuất khẩu sẽ tính ra một mức phí cho bên bán. Mức phí này gồm.:

- Đơn vị BTT NK: **phí bảo hiểm rủi ro + phí xử lý hóa đơn + phí NH (1)**
- Đơn vị BTT xuất khẩu: **phí quản lý**

Phí BTT quốc tế thường cao hơn phí BTT trong nước

2)

Số tiền ứng**trước các khoản phải thu:**

Tỷ lệ ứng trước được xác định dựa trên các yếu tố sau:

- Mặt hàng mua bán, điều kiện thanh toán, phương thức thanh toán.
- Các thỏa thuận khác: giảm giá, chiết khấu, các khoản giảm trừ...

Số tiền ứng trước: ST ứng trước = Tỷ lệ ứng trước * Giá trị phải thu

Câu 16: Bảo lãnh ngân hàng là gì? Tham gia hợp đồng bảo lãnh gồm những bên nào?

A. **Khái niệm bảo lãnh:** là cam kết bằng văn bản của tổ chức tín dụng (bên bảo lãnh) với bên có quyền (bên nhận bảo lãnh) về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng (bên được bảo lãnh) khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ đã cam kết với bên nhận bảo lãnh.

B. Tham gia hợp đồng bảo lãnh gồm những bên sau:

- 1) **Bên bảo lãnh:** là các tổ chức tín dụng bao gồm NH thương mại Nhà nước, NHTM cổ phần, ngân hàng đầu tư, ngân hàng phát triển, ngân hàng chính

sách, ngân hàng liên doanh, chi nhánh NH nước ngoài tại Việt Nam, ngân hàng hợp tác, các loại hình ngân hàng khác và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng thành lập và hoạt động theo Luật Các Tổ chức tín dụng (gọi chung là tổ chức tín dụng)

2) **Bên được bảo lãnh:** Là khách hàng bao gồm

- Các doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh hợp pháp tại Việt Nam như doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể
- Các tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo Luật Các Tổ chức tín dụng
- Hợp tác xã và các tổ chức khác có đủ điều kiện quy định tại Điều 94 của Bộ Luật Dân sự
- Các tổ chức kinh tế nước ngoài tham gia các hợp đồng hợp tác liên doanh và tham gia đấu thầu các dự án đầu tư tại Việt Nam hoặc vay vốn để thực hiện các dự án đầu tư tại Việt nam

3) **Bên nhận bảo lãnh:** là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có quyền thụ hưởng các cam kết bảo lãnh của các tổ chức tín dụng.

ABOUT

Hỗ trợ ôn tập là một dự án phi lợi nhuận hướng tới cộng đồng.

Với mục đích đem đến kiến thức miễn phí cho tất cả mọi người, chúng tôi sẽ hỗ trợ các bạn tốt nhất trong lĩnh vực giáo dục bằng cách cung cấp cho các bạn tài liệu ôn tập miễn phí, đề cương ôn tập miễn phí.

Các bạn sẽ không cần phải lo về đề cương, về tài liệu, về sách,... Các bạn chỉ việc theo dõi và để lại yêu cầu cho đội nhóm chúng tôi, còn việc tìm kiếm và biên soạn tài liệu đã có chúng tôi lo!!!!

Hiện giờ, chúng tôi đang hỗ trợ về

1. Tài liệu ôn tập tiếng anh FREE.
2. Tài liệu ôn thi đại học FREE
3. Tài liệu ôn thi cấp 3 FREE
4. Đề cương ôn thi chương trình Đại học FREE.
5. Một số tài liệu khác.

Liên hệ và kết nối với chúng tôi:

- ✓ Facebook: facebook.com/HoTroOnTap
- ✓ Fanpage: facebook.com/HoTroOnTapPage
- ✓ Group: facebook.com/groups/HoTroOnTapGroup
- ✓ Website: hotroontap.com